

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/LĐ-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v tranh chấp tiền lương,
tiền trợ cấp thôi việc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 25/2024/LĐST ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc “Tranh chấp tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐHPT ngày 12- 09-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH M (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị L trình bày:*

Bà L làm việc tại Công ty TNHH M từ năm 1999 đến hết ngày 31-01-2023 thì Công ty TNHH M có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 27/01/QĐ/CDHĐLĐ. Theo Quyết định nêu trên thì Công ty TNHH M chấm dứt hợp đồng lao động với bà L kể từ ngày 31-01-2023. Tại thời điểm bà L nghỉ việc, Công ty TNHH M vẫn còn chưa thanh toán hết tiền lương tháng 10, 11, 12 năm 2022 và tháng 01 năm 2023 là 15.000.000đồng. Nợ tiền trợ cấp

thôi việc từ năm 1999 đến 2008 là 28.000.000đồng. Không đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7-2022 đến tháng 01-2023. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà số tiền lương còn nợ lại là 15.000.000đồng, tiền trợ cấp thôi việc là 28.000.000đồng và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7-2022 đến tháng 01-2023 cho bà.

Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án, Công ty TNHH M đã thanh toán thêm cho bà L được 6.000.000đồng tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L. Nên bà L rút yêu cầu khởi kiện về việc đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7-2022 đến tháng 01-2023.

Đồng thời bà L cũng thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà số tiền lương còn lại là 9.000.000đồng; tiền trợ cấp thôi việc 07 năm (vì thực tế bà L đi làm từ năm 1999 nhưng ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M từ ngày 01-10-2001), lương trước khi nghỉ việc của bà là 9.500.000 đồng chưa trừ tiền bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên do Công ty TNHH M thay đổi nhiều kế toán và không cung cấp bảng lương cho bà 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc, trong quyết định chấm dứt hợp đồng công ty cũng không nêu rõ lương thực lãnh của bà L là bao nhiêu nên bà L căn cứ vào số tiền lương đóng bảo hiểm xã hội là 6.800.000đồng/tháng để yêu cầu Công ty TNHH M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 23.800.000đồng.

2. Bị đơn- Công ty TNHH M trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến.

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

3.1. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

3.2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận, Công ty TNHH M còn nợ lương và tiền trợ cấp thôi việc của bà L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Lê Thị L có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M. Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện là bà L yêu cầu Công ty TNHH M phải thanh toán số tiền lương còn thiếu và tiền trợ cấp thôi

việc nên quan hệ tranh chấp là quan hệ lao động về việc “Tranh chấp tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 32, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Bị đơn đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.]. *Về nội dung :*

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Lê Thị L là công nhân của Công ty TNHH M. Quá trình làm việc bà L tham gia đầy đủ và thực hiện đúng các chế độ của người lao động. Tuy nhiên, từ ngày 31-01-2023, Công ty TNHH M chấm dứt hợp đồng lao động với bà L nhưng chưa thanh toán tiền lương còn thiếu và tiền các chế độ cho bà L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc theo quy định pháp luật.

[2.1.2]. Đối với tiền lương: Bà L cho rằng theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 27/01/QĐ/CDHDLĐ thì ngày chấm dứt là ngày 31-01-2023, nhưng lương tháng 10, 11, 12- 2022, Công ty TNHH M có thanh toán cho bà nhưng thanh toán không đủ vẫn còn thiếu và lương tháng 01-2023, bà vẫn đi làm và chấm công hết tháng 01-2023, công ty không thanh toán. Bà yêu cầu Công ty TNHH M thanh toán số tiền lương còn thiếu là 9.000.000đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Công ty TNHH M. Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Công ty TNHH M phải có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng công ty không cung cấp giao nộp tài liệu gì về việc chi trả khoản tiền lương mà bà L yêu cầu. Để bảo vệ quyền lợi của người lao động là bên yếu thế và dựa vào những căn cứ được nêu ở trên có cơ sở xác định Công ty TNHH M còn nợ tiền lương lao động như bà L yêu cầu. Việc Công ty TNHH M chậm thanh toán tiền lương cho người lao động là vi phạm nguyên tắc về việc trả lương theo quy định tại Điều 94 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, buộc Công ty TNHH M phải trả cho bà Lê Thị L số tiền lương là 9.000.000đồng.

[2.1.3]. Đối với số tiền trợ cấp thôi việc: Bà L làm việc tại Công ty TNHH M theo hợp đồng lao động là từ ngày 01-10-2001 đến ngày 31-01-2023, Hợp đồng lao động được ký kết trên cơ sở tự nguyện đúng quy định pháp luật. Quy trình làm việc, bà L đã được Công ty TNHH M đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01-2019 đến 31-12-2022. Từ ngày 31-01-2023, Công ty TNHH M chấm dứt hợp đồng lao động với bà L đến nay đã 19 tháng nhưng công ty vẫn chưa thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà L là vi phạm quy

định tại Điều 48 Bộ luật lao động 2019. Thời gian chưa được đóng bảo hiểm thất nghiệp là từ tháng 10-2001 đến tháng 12-2008 là 07 năm. Theo bà L mức lương 06 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động của bà là 9.500.000đồng chưa trừ tiền bảo hiểm, nhưng do bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho mức lương trên nên bà căn cứ vào mức lương đóng bảo hiểm xã hội 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc là 6.800.000đ/tháng để tính trợ cấp thôi việc. Xét thấy yêu cầu này của bà L là rất chính đáng. Do đó, căn cứ vào Điều 46 Bộ luật lao động 2019, bà L khởi kiện Công ty TNHH M phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 23.800.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 23.800.000đồng cho bà Lê Thị L.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 7-2022 đến tháng 01-2023. Bà L đã rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và được Tòa án chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7-2022 đến tháng 01-2023.

[4]. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với Công ty TNHH M.

Áp dụng các Điều 46, Điều 48 và Điều 94 của Bộ luật lao động năm 2019.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH M phải trả cho bà Lê Thị L số tiền lương là 9.000.000đồng và tiền trợ cấp thôi việc 23.800.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07-2022 đến tháng 01-2023.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm là 984.000đ(Chín trăm tám mươi tư nghìn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.VT;
- Thi hành án dân sự tpVT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Cúc

